

Số: 791/2022/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 08 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 617/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1983; địa chỉ: Đường A, Phường B, quận C, TP. Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Đường D, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 34, quyền: 1 của Ủy ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh I ngày 27 tháng 3 năm 2008, có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Văn T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Theo đơn yêu cầu nộp ngày 18/4/2022 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 31/5/2022, bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày 10/12/2008. Sau khi ly hôn, cả hai thỏa thuận bà Nguyễn Thị Hồng H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trẻ Bảo T đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn T không cấp dưỡng nuôi con chung do bà H không có yêu cầu; về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 31/5/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân : Bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số: 34, quyển: 1 của Ủy ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh I ngày 27 tháng 3 năm 2008 hết hiệu lực).

1. - Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày 10/12/2008 cho đến khi trẻ Bảo T đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn T không cấp dưỡng nuôi con chung do bà H không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ; người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

**2.** Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Văn T phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Văn T đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0048221 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND xã G, huyện H, tỉnh I;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Tuyết Mai**